

- Em sống ở ở vùng nào ? - Ở địa phương em có lễ hội nào ? - Nhận xét tiết học		
5. Dặn dò Chuẩn bị bài: Hoạt động sản xuất của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ.	1	Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu

KHOA HỌC

TIẾT 26: NGUYÊN NHÂN LÀM NƯỚC BỊ Ô NHIỄM

I.MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được một số nguyên nhân làm ô nhiễm nguồn nước:
- + Xả rác, phân, nước thải bừa bãi,...
- + Sử dụng phân bón hoá học, thuốc trừ sâu.
- + Khói bụi và khí thải từ nhà máy,...
- + Vỡ đường ống dẫn dầu,...

- Nêu tác hại của việc sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm đối với sức khoẻ con người: lan truyền nhiều bệnh, 80% các bệnh là do sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm.

2 Kỹ năng: Biết nguyên nhân làm nguồn nước bị ô nhiễm, có ý thức bảo vệ nguồn nước không bị ô nhiễm

3. Thái độ:

- Ham tìm hiểu khoa học, biết áp dụng vào thực tế cuộc sống.

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Hình trang 54, 55 SGK

- Sưu tầm thông tin về nguyên nhân gây ra tình trạng ô nhiễm nước ở địa phương và tác hại do nguồn nước bị ô nhiễm gây ra

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	TG	Hoạt động của học sinh
1. Ổn định tổ chức lớp	1	HS chuẩn bị sách vở, đồ dùng học tập
2. Kiểm tra bài cũ - Thế nào là nước sạch? - Thế nào là nước bị ô nhiễm? GV nhận xét	4	- 2HS lên bảng trả lời - HS cả lớp theo dõi nhận xét
3 Bài mới <i>3.1 Giới thiệu bài : Nguyên nhân làm nước bị ô nhiễm</i>	1	HS nghe và ghi tên bài
3.2 Hoạt động 1: Tìm hiểu một số nguyên nhân làm nước bị ô nhiễm Mục tiêu: HS có thể: ➤ Phân tích các nguyên nhân làm nước ở sông, hồ, kênh, rạch, biển...	10	

<p>bị ô nhiễm</p> <p>➤ <i>Sưu tầm thông tin về nguyên nhân gây ra tình trạng ô nhiễm nước ở địa phương</i></p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát các hình, từ hình 1 đến hình 8 trang 54, 55 SGK, tập đặt câu hỏi và trả lời cho từng hình. Ví dụ: - Hình nào cho biết nước sông, hồ, kênh, rạch bị nhiễm bẩn? Nguyên nhân gây nhiễm bẩn được mô tả trong hình đó là gì? - Hình nào cho biết nước máy bị nhiễm bẩn? Nguyên nhân gây nhiễm bẩn được mô tả trong hình đó là gì? - Hình nào cho biết nước biển bị nhiễm bẩn? Nguyên nhân gây nhiễm bẩn được mô tả trong hình đó là gì? - Hình nào cho biết nước mưa bị nhiễm bẩn? Nguyên nhân gây nhiễm bẩn được mô tả trong hình đó là gì? - Hình nào cho biết nước ngầm bị nhiễm bẩn? Nguyên nhân gây nhiễm bẩn được mô tả trong hình đó là gì? - Yêu cầu HS liên hệ đến nguyên nhân làm ô nhiễm nước ở địa phương (dựa vào các thông tin sưu tầm được nếu có) - GV gọi một số HS trình bày kết quả làm việc của các nhóm <p>Kết luận của GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV có thể sử dụng mục <i>Bạn cần biết</i> trang 55 SGK để đưa ra kết luận cho hoạt động này - GV có thể đọc cho HS nghe một vài thông tin về nguyên nhân gây ô nhiễm nước đã sưu tầm được 		<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát và trả lời - HS quay lại chỉ vào từng hình trang 54, 55 SGK để hỏi và trả lời + Hình 1,4. Nguyên nhân gây nhiễm bẩn được mô tả trong hình đó là xả nước thải, rác, vỡ ống dẫn dầu, đắm tàu, lũ lụt,.... + Hình 2. Nguyên nhân gây nhiễm bẩn được mô tả trong hình đó là bị vỡ ống. + Hình 3. Nguyên nhân gây nhiễm bẩn được mô tả trong hình đó là do tàu bị đắm, dầu tràn ra biển. + Hình 7,8. Nguyên nhân gây nhiễm bẩn được mô tả trong hình đó là khói, bụi, khí thải từ nhà máy, xe cộ làm ô nhiễm không khí, nước mưa. + Hình 5, 6, 8. Nguyên nhân gây nhiễm bẩn được mô tả trong hình đó là sử dụng phân hoá học, thuốc trừ sâu, nước thải nhà máy không qua xử lí. - HS tự liên hệ đến nguyên nhân làm ô nhiễm nước ở địa phương - HS trình bày kết quả làm việc. Mỗi nhóm chỉ nói về một nội dung
<p>3.3Hoạt động 2: Thảo luận về tác hại của sự ô nhiễm nước</p> <p>Mục tiêu: HS nêu tác hại của việc</p>	<p>10</p>	

<p><i>sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm đối với sức khoẻ con người</i></p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS thảo luận: - Điều gì sẽ xảy ra khi nguồn nước bị ô nhiễm? - Phần lớn các bệnh con người mắc phải là do đâu? <p>Kết luận của GV:</p>		<p>HS làm việc cả lớp</p> <p>+ Khi nước bị ô nhiễm các loại vi sinh vật sinh sống và phát triển, lan truyền các loại bệnh như tả, lị, thương hàn.....</p> <p>+ Phần lớn các bệnh con người mắc phải là do sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm.80% bị bệnh liên quan đến nước</p>
<p>4. Củng cố</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi hs đọc phần <i>Bạn cần biết</i> - GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập của HS 	2	<p>2 HS đọc mục <i>Bạn cần biết</i> trang 55 SGK</p> <p>HS nhận xét tiết học</p>
<p>5. Dặn dò Chuẩn bị bài: Một số cách làm sạch nước</p>	1	Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu

SINH HOẠT LỚP TUẦN 13

I. MỤC TIÊU

- Học sinh nắm được ưu khuyết điểm trong tuần về các mặt hoạt động : Thực hiện nề nếp của trường , lớp .
- Đề ra biện pháp giúp đỡ học sinh thực hiện chưa tốt nội quy của lớp

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1, Lớp trưởng nhận xét đánh giá thi đua giữa các tổ về các mặt .

- Nề nếp xếp hàng vào lớp, truy bài
 - Lao động , vệ sinh cá nhân
 - Học bài và làm bài khi đến lớp .
 - Nói lời hay làm việc tốt
- __ Xếp loại thi đua giữa các phân đội :

2. Ý kiến các thành viên trong tổ

- Nhận xét về hành vi của các bạn

3. Phương hướng nhiệm vụ tuần sau

- Tiếp tục tổ chức thi đua giữa các tổ theo tiêu chí thi đua
 - Tổ chức đôi bạn cùng tiến giúp nhau trong học tập.
 - Nói năng lễ phép văn minh , lịch sự
 - Giúp bạn biết cách nhân ,chia với số có một , hai chữ số
- Thực hiện tốt luật an toàn giao thông : đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy và xe đạp điện
- Thực hiện tốt các phong trào do Liên đội tổ chức

4.Ý kiến nhận xét . nhắc nhở của giáo viên chủ nhiệm

- Nhận xét và tuyên dương các tổ, các cá nhân làm tốt công việc trong tuần .
- Động viên học sinh làm chưa tốt tiếp tục phấn đấu làm tốt ở các tuần học sau .
- Nhắc một số học sinh ngồi trong lớp còn nói tự do .
- Thực hiện tốt nề nếp sống thanh lịch văn minh của học sinh thủ đô.

- Học thuộc bảng cửu chương .

NHẬN XÉT , ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM HIỆU

TUẦN 14

TOÁN

TIẾT 66: CHIA MỘT TỔNG CHO MỘT SỐ

I.MỤC TIÊU :

1.Kiến thức:

Biết chia một tổng cho một số .

- Bước đầu biết vận dụng tính chất chia một tổng cho một số trong thực hành tính

2.Kĩ năng: Vận dụng vào tính toán.

3. Thái độ: - HS biết áp dụng trong cuộc sống hàng ngày.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

VBT,bảng phụ

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	TG	Hoạt động của học sinh
1. Ổn định tổ chức lớp Kiểm tra sĩ số	1	HS báo cáo Hát
2. Kiểm tra bài cũ - Gọi 2HS lên bảng sửa bài tập 5 - 1hs nêu tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân - 1 hs nêu cách nhân 1 số với 1 tổng (1 hiệu) GV nhận xét	4	- HS sửa bài và trả lời câu hỏi. a. Công thức tính diện tích hình vuông có cạnh a: $S = a \times a$. b. Diện tích hình vuông có cạnh $a = 25m$ là : $S = 25 \times 25 = 625(m^2)$ - HS nhận xét
3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài Chia một tổng cho một số	1	HS nghe và ghi tên bài
3.2 Hoạt động 1: HD HS tìm hiểu tính chất chia một tổng cho một số.	12	HS tính trong vở nháp + 2HS lên bảng tính.

<p>-GV viết bảng: Gọi hs tính -(35+21) :7 và 35 :7 +21 : 7</p> <p>- Yêu cầu HS so sánh hai kết quả -GV viết bảng : $(35 + 21) : 7 = 35 : 7 + 21 : 7$ GV gợi ý để HS nêu:chia một tổng cho một số. (35 + 21) : 7 có dạng như thế nào? 35 : 7 + 21 : 7 có dạng gì? $(35 + 21) : 7 = 35 : 7 + 21 : 7$</p> <div style="text-align: center;"> $\begin{array}{cccccc} \hline & & & & & \\ \hline \downarrow & \downarrow & \downarrow & \downarrow & \downarrow & \downarrow \end{array}$ </div> <p>1 tổng : 1 số = SH : SC + SH : SC - Từ đó rút ra tính chất: Khi chia một tổng cho một số nếu các số hạng của tổng đều chia hết cho số chia thì ta có thể chia từng số hạng cho số chia, rồi cộng các kết quả tìm được với nhau.</p>		$(35 + 21) : 7$ $35 : 7 + 21 : 7$ $= 56 : 7$ $= 5 + 3$ $= 8$ $= 8$ <p>- Kết quả hai phép tính bằng nhau.</p> <p>+ (35 + 21) : 7 có dạng 1 tổng chia cho một số + 35 : 7 + 21 : 7 có dạng tổng của hai thương.</p> <p>- HS nêu - HS nhắc lại. - HS nhắm thuộc lòng tính chất này.</p>
<p>3.3Hoạt động 2: Thực hành <u>Bài tập 1:</u></p> <p>-Gọi HS đọc yêu cầu bài -Bài tập yêu cầu gì? -GV tổ chức cho HS thi đua cặp đôi+ cả lớp làm nháp.</p> <p>GV hướng dẫn mẫu + gọi 2HS lên bảng làm bài.</p> <p>GV cùng HS sửa bài – nhận xét.</p>	7	<p>HS đọc yêu cầu bài - Tính theo hai cách.</p> <p>a. $(15 + 35) : 5$ $15 : 5 + 35 : 5$ $= 50 : 5$ $= 3 + 7$ $= 10$ $= 10$ $(80 + 4) : 4$ $80 : 4 + 4 : 4$ $= 84 : 4$ $= 20 + 1$ $= 21$ $= 21$</p> <p>-HS theo dõi mẫu</p> <p>b. $18 : 6 + 24 : 6$ $(18 + 24) : 6$ $= 3 + 4$ $= 42 : 6$ $= 7$ $= 7$ $60 : 3 + 9 : 3$ $(60 + 9) : 3$ $= 20 + 3$ $= 69 : 3$ $= 23$ $= 23$</p>
<p><u>Bài tập 2:</u> Gọi HS đọc yêu cầu bài Bài tập yêu cầu gì? Đây là dạng toán nào? GV hướng dẫn mẫu - GV gọi 2HS làm bảng phụ, mỗi em làm một cách + cả lớp làm phiếu học tập. GV chấm một số phiếu – nhận xét.</p>	6	<p>HS đọc yêu cầu bài - Tính theo hai cách. + Một hiệu chia cho một số. HS theo dõi mẫu</p> <p>$(27 - 18) : 3$ $27 : 3 - 18 : 3$ $= 9 : 3$ $= 9 - 3$ $= 3$ $= 3$ $(64 - 32) : 8$ $64 : 8 - 32 : 8$ $= 32 : 8$ $= 8 - 4$ $= 4$ $= 4$</p>

- Yêu cầu HS nêu cách chia một hiệu cho một số? (<i>Lưu ý: Không yêu cầu HS học thuộc tính chất này</i>)		+ Khi chia một hiệu cho một số ta có thể lần lượt chia số bị trừ & số trừ chia cho số chia, rồi trừ hai kết quả cho nhau
<u>Bài tập 3:</u> - Gọi HS đọc yêu cầu bài - Bài toán cho biết gì? - Bài toán hỏi gì? Yêu cầu cả lớp giải vào vở GV chấm một số vở – nhận xét	6	HS đọc yêu cầu bài, ghi tóm tắt và giải vào vở. <u>Bài giải</u> Số HS lớp 4A và lớp 4B có là : $32 + 28 = 60$ (học sinh) Số nhóm HS cả hai lớp chia được là : $60 : 4 = 15$ (nhóm) <u>Đáp số</u> : 15 (nhóm)
4. Củng cố - Nêu cách chia một tổng cho một số? - Nêu cách chia một hiệu cho một số? - Nhận xét tiết học	2	2 HS nêu nội dung HS nhận xét
5. Dặn dò - Chuẩn bị bài: Chia cho số có một chữ số.	1	Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu

TẬP ĐỌC
TIẾT 27 : CHÚ ĐẤT NUNG

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức:

- Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc nhấn giọng một số từ ngữ gợi tả, gợi cảm và phân biệt lời người kể với lời nhân vật (chàng kĩ sĩ, ông Hòn Rằm, chú bé Đất).

- Hiểu ND: Chú bé Đất can đảm, muốn trở thành người khoẻ mạnh, làm được nhiều việc có ích đã dám nung mình trong lửa đỏ (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

2. Kỹ năng:

- HS đọc lưu loát toàn bài.

- Biết đọc diễn cảm bài văn với giọng hồn nhiên, khoan thai; nhấn giọng những từ ngữ gợi tả, gợi cảm; đọc phân biệt lời người kể với lời các nhân vật (chàng kĩ sĩ, ông Hòn Rằm, chú bé Đất)

3. Thái độ:

- Can đảm, dám đối đầu với thử thách.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Tranh minh hoạ bài đọc SGK

- Bảng phụ viết sẵn câu, đoạn văn cần hướng dẫn HS luyện đọc

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	TG	Hoạt động của học sinh
1. Ổn định tổ chức lớp	1	HS chuẩn bị đồ dùng học tập
2. Kiểm tra bài cũ Văn hay chữ tốt - GV yêu cầu 2 – 3 HS nối tiếp nhau đọc bài & trả lời câu hỏi - Vì sao Cao Bá quát lại nổi tiếng là người văn hay chữ tốt? - GV nhận xét	4	HS đọc và trả lời câu hỏi HS nhận xét
3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài Yêu cầu HS quan sát tranh minh họa chủ đề <i>Tiếng sáo diều</i> & nêu những hình ảnh nhìn thấy trong tranh. GV giới thiệu: Chủ đề <i>Tiếng sáo diều</i> sẽ đưa các em vào thế giới vui chơi của trẻ thơ. Trong tiết học mở đầu chủ đề, các em sẽ được làm quen với các nhân vật đồ chơi trong chuyện <i>Chú Đất Nung</i> .	1	- HS quan sát tranh minh họa chủ đề & nêu - HS quan sát tranh minh họa bài đọc HS nghe và ghi tên bài
3.2 Hoạt động 1: Hướng dẫn luyện đọc - GV chia đoạn - GV chú ý khen HS đọc đúng kết hợp sửa lỗi phát âm sai, ngắt nghỉ hơi chưa đúng hoặc giọng đọc không phù hợp - GV yêu cầu HS đọc thầm phần chú thích các từ mới ở cuối bài đọc + GV kết hợp giải nghĩa từ mới, từ khó. - Yêu cầu 1 HS đọc lại toàn bài - GV đọc diễn cảm cả bài Chú ý nhấn giọng những từ ngữ gợi tả, gợi cảm: rất bảnh, thật đoảng, âm, khoan khoái, nóng rát, lười lười, nhát thế, dám xông pha, nung thì nung	10	HS tiếp nối đọc đoạn trong bài (2 lượt) + Đoạn 1: 4 dòng đầu + Đoạn 2 : 6 dòng tiếp + Đoạn 3 : phần còn lại -HS đọc thầm phần chú giải - HS luyện đọc theo cặp Đại diện nhóm trình bày trước lớp. - 1 HS đọc lại toàn bài - HS nghe
3.3 Hoạt động 2: HD tìm hiểu bài GV chia lớp thành 3 nhóm để các em đọc thầm và trả lời câu hỏi. _Cu Chắt có những đồ chơi nào?	11	Các nhóm đọc thầm bài, thảo luận trong nhóm - đại diện nhóm trả lời câu hỏi - Cu Chắt có đồ chơi là 1 chàng kỹ sĩ cưỡi ngựa rất bảnh, 1 nàng công chúa

<p>- Chúng khác nhau thế nào?</p> <p>- Những đồ chơi này Cu Chắt có từ đâu?</p> <p>GV nhận xét & chốt ý _Chú bé Đất đi đâu & gặp chuyện gì?</p> <p>- GV nhận xét & chốt ý - Vì sao chú bé Đất quyết định trở thành Đất Nung?</p> <p>GV không bác bỏ ý kiến thứ nhất mà phải gợi ý để HS tranh luận, hiểu sự thay đổi thái độ của chú bé Đất: chuyển từ sợ nóng đến ngạc nhiên không tin rằng đất có thể nung trong lửa, cuối cùng hết sợ, vui vẻ, tự nguyện xin được “nung”. Từ đó khẳng định ý kiến thứ 2 đúng.</p> <p>- Chi tiết “nung trong lửa” tượng trưng cho điều gì?</p> <p>GV nhận xét & chốt ý</p> <p>Bài văn cho ta biết gì?</p>	<p>ngồi trong lều son, 1 chú bé bằng đất</p> <p>- Chúng khác nhau:</p> <p>+ Chàng kĩ sĩ, nàng công chúa là món quà cu Chắt được tặng nhân dịp Tết Trung thu. Các đồ chơi này được nặn từ bột, màu sắc sặc sỡ, trông rất đẹp.</p> <p>+ Chú bé Đất là đồ chơi cu Chắt tự nặn lấy từ đất sét. Chú chỉ là 1 hòn đất mộc mạc hình người.</p> <p>+ Chàng kĩ sĩ, nàng công chúa là món quà Cu Chắt được tặng nhân dịp Tết Trung thu. Chú bé Đất cu Chắt tự nặn lấy từ đất sét.</p> <p>Ýđoan 1: Đồ chơi của Cu Chắt.</p> <p>- Đất từ người cu Đất giây bản hết quần áo của 2 người bột. Chàng kĩ sĩ phàn nàn bị bản hết quần áo đẹp. Cu Chắt bỏ riêng 2 người bột vào trong lọ thủy tinh.</p> <p>Ýđoan 2: Chú bé Đất & hai người bột làm quen với nhau.</p> <p>- Dự kiến: HS có thể trả lời theo 2 hướng:</p> <p>+ Vì chú sợ bị ông Hòn Rấm chê là nhát</p> <p>+ Vì chú muốn được xông pha làm nhiều việc có ích</p> <p>+ Phải rèn luyện trong thử thách, con người mới trở thành cứng rắn, hữu ích.</p> <p>+ Vượt qua được thử thách, khó khăn, con người mới mạnh mẽ, cứng cỏi.</p> <p>+ Được tôi luyện trong gian nan, con người mới vững vàng, dũng cảm</p> <p>Ýđoan 3: Chú bé Đất quyết định trở thành Đất Nung.</p> <p>Nội dung chính: Chú bé Đất can đảm, muốn trở thành người khoẻ mạnh, làm được nhiều việc có ích đã dám nung mình trong lửa đỏ.</p>
--	--

<p>3.4Hoạt động 3: Hướng dẫn đọc diễn cảm * Hướng dẫn HS đọc từng đoạn văn - GV HD đơn giản để HS có giọng đọc phù hợp với tình cảm, thái độ của nhân vật * Hướng dẫn kĩ cách đọc 1 đoạn văn - GV treo bảng phụ có ghi đoạn văn cần đọc diễn cảm (<i>Ông Hòn Rấm cười thành Đất Nung</i>) - GV cùng trao đổi, thảo luận với HS cách đọc diễn cảm (ngắt, nghỉ, nhấn giọng) - GV sửa lỗi cho các em</p>	10	<ul style="list-style-type: none"> - 3HS tiếp nối đọc đoạn trong bài tập đọc. - 4 HS đọc lại toàn truyện theo cách phân vai. - Thảo luận thầy – trò để tìm ra cách đọc phù hợp - HS luyện đọc diễn cảm đoạn văn theo cặp - HS đọc trước lớp - Đại diện nhóm thi đọc diễn cảm (phân vai) trước lớp
<p>4. Củng cố - Nêu nội dung chính của bài đọc - Truyện <i>Chú Đất Nung</i> có 2 phần. Phần đầu truyện các em đã làm quen với các đồ chơi của Cu Chắt, đã biết chú bé Đất giờ đã trở thành Đất Nung vì dám nung mình trong lửa. Phần tiếp của truyện – học trong tiết tập đọc tới – sẽ cho các em biết số phận tiếp theo của các nhân vật.</p>	2	<p>HS nêu nội dung bài *Chú bé Đất can đảm, muốn trở thành người khoẻ mạnh, làm được nhiều việc có ích đã dám nung mình trong lửa đỏ.</p>
<p>5. Dặn dò GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập của HS trong giờ học hs về nhà tiếp tục luyện , chuẩn bị bài: Chú Đất Nung (tt)</p>	1	<p>Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu</p>

CHÍNH TẢ

TIẾT 14 : (Nghe- viết) CHIẾC ÁO BÚP BÊ

I.MỤC TIÊU :

1.Kiến thức:

- Nghe-viết đúng bài CT; trình bày đúng bài văn ngắn Chiếc áo búp bê
- Làm đúng BT (2) b hoặc BT (3) b,

2.Kĩ năng:

- Làm đúng các bài tập phân biệt các âm đầu s/x hoặc có vần ât/âc.

3. Thái độ:

Trình bày bài cẩn thận, sạch sẽ. Có ý thức rèn chữ viết đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

Bảng phụ ghi nội dung BT2b

Phiếu bài tập ghi nội dung bài tập 3b

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	TG	Hoạt động của học sinh
1. Ôn định tổ chức lớp	1	HS chuẩn bị đồ dùng học tập
2. Kiểm tra bài cũ GV đọc cho cả lớp viết vào bảng con các từ ngữ bắt đầu âm l/n ; vần có chứa âm chính i/ iê. GV nhận xét bài cũ	4	2 HS viết bảng lớp, cả lớp viết bảng con: con kiến, tìm kiếm, tiềm năng, nóng nảy, phim truyện, . . . HS nhận xét
3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài Nghe viết : Chiếc áo búp bê	1	HS nghe và ghi tên bài
3.2 Hoạt động 1: HDHS nghe -viết chính tả GV đọc đoạn văn cần viết chính tả 1 lượt - GV mời 1 HS đọc lại đoạn văn & yêu cầu cả lớp trả lời câu hỏi: +Đoạn văn tả những gì? -GV yêu cầu HS đọc lại đoạn văn & tìm những từ dễ viết sai - GV viết bảng- nhắc HS chú ý viết tên riêng theo đúng quy định. - GV yêu cầu HS viết những từ ngữ dễ viết sai vào bảng con - GV đọc từng câu, từng cụm từ 2 lượt cho HS viết - GV đọc toàn bài chính tả 1 lượt - GV chấm bài của 5 HS & yêu cầu từng cặp HS đổi vở soát lỗi cho nhau - GV nhận xét chung	20	-HS theo dõi trong SGK -1 HS đọc đoạn văn & nêu nội dung đoạn văn: + Tả chiếc áo búp bê xinh xắn. Một bạn nhỏ đã may cho nó với biết bao tình cảm yêu thương. -HS đọc thầm lại đoạn văn cần viết, nêu những hiện tượng mình dễ viết sai: phong phanh, xa-tanh, hạt cườm, nhỏ xíu, bé Li, chị Khánh. -HS luyện viết bảng con - HS nghe – viết - HS soát lại bài - HS đổi vở cho nhau để soát lỗi chính tả
3.3 Hoạt động 2: HDHS làm bài tập chính tả Bài tập 2: GV mời HS đọc yêu cầu bài tập 2b GV treo bảng phụ sửa bài: Các từ cần điền: lát phất, đất , nhấc, bật lên, rất nhiều, bậc tam	5	- HS đọc yêu cầu của bài tập - Cả lớp đọc thầm bài HS tự đọc bài và làm bài vào vở nháp - Từng cặp HS đổi bài cho nhau để sửa chéo

cấp, lật, nhắc bồng, bậc. GV nhận xét kết quả bài làm của HS (có đối chiếu với vở viết)		- Những HS làm bài trên phiếu dán bài lên bảng lớp - Cả lớp nhận xét
Bài tập 3: GV mời HS đọc yêu cầu bài tập 3b, yêu cầu HS làm bài vào phiếu + 2 HS làm vào bảng phụ GV nhận xét tuyên dương HS tìm được nhiều từ nhất.	5	HS đọc yêu cầu bài tập 3b + làm bài vào phiếu học tập – HS trình bày trước lớp: + Các từ chứa vần â/âc : thật thà, vất vả, chật chội, bắt tài, chất phác, bắt nạt, phát phơ, lác cắc, xác xược, . .
4 Củng cố Giáo viên nhắc hs chú ý viết đúng các từ viết với âc ,/âc Nhận xét giờ học	2	
5. Dặn dò Học sinh ôn bài , chuẩn bị bài sau	1	

TOÁN

TIẾT 67: CHIA CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

I.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức Thực hiện phép chia một số có nhiều chữ số(chia hết, chia có dư) cho số có một chữ số .

Hs làm bài tập 1 dòng 1,2 , bài 2

2 Kỹ năng: Biết chia cho số có một chữ số

3. Thái độ : - HS biết áp dụng tính toán trong cuộc sống hàng ngày.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

Bảng con

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	T G	Hoạt động của học sinh
1. Ôn định tổ chức lớp Kiểm tra sĩ số	1	HS báo cáo Hát

<p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS lên bảng làm lại BT2 - Nêu cách chia một tổng cho một số? - Nêu cách chia một hiệu cho một số? - GV nhận xét 	4	<ul style="list-style-type: none"> - HS lên bảng sửa bài và trả lời. - HS cả lớp theo dõi nhận xét
<p>3 Bài mới</p> <p>3.1 Giới thiệu bài :</p> <p>Chia cho số có một chữ số</p>	1	<p>HS nghe và ghi tên bài</p>
<p>3.2 Hoạt động 1:</p> <p>Trường hợp chia hết:</p> <p>GV ghi 128 472 : 6 =</p> <ul style="list-style-type: none"> - Muốn tìm 	6	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc phép tính nêu thành phần của phép chia. - Ta đặt tính và chia theo thứ tự từ trái sang phải. 1HS lên bảng đặt tính – cả lớp đặt tính trên giấy nháp $ \begin{array}{r} 128472 \quad \quad 6 \\ \underline{08} \\ 24 \\ \underline{07} \\ 12 \\ \underline{0} \\ 0 \end{array} $ <p>Đây là phép chia hết vì lần chia cuối cùng còn lại số 0</p>

<p>thương ta làm thế nào?</p> <p>- Lưu ý HS mỗi lần chia đều tính nhẩm: chia, nhân, trừ nhẩm.</p> <p>- Đây là phép chia hết hay phép chia có dư ? Vì sao?</p>		
<p>3.3Hoạt động 2: Trường hợp chia có dư:</p> <p>- GV ghi 230859 : 5 = ?</p> <p>- Lưu ý HS mỗi lần chia đều tính nhẩm: chia, nhân, trừ nhẩm.</p>	6	<p>Tương tự ví dụ trên – HS đặt tính</p> $ \begin{array}{r} 230859 \quad \quad 5 \\ \underline{30} \\ 08 \\ \underline{35} \\ 09 \\ \underline{40} \\ 4 \end{array} $ <p>Đây là phép chia có dư vì lần chia cuối cùng còn lại số 4. Số dư bé hơn số chia</p>

<p>con. - GV cùng HS nhận xét – nêu kết quả đúng.</p>		
<p><u>Bài tập 2:</u> - Gọi</p> <p>- Bài</p>	<p>5</p>	<p>HS đọc yêu cầu bài, ghi tóm tắt và giải vào vở nháp + 2HS lên bảng thi đua giải.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u> Số lít xăng mỗi bể có là : $128\ 610 : 6 = 21\ 435$ (lít) <u>Đáp số</u> :21 435 (lít)</p>

<p>- Bài</p> <p>Yêu cầu cả lớp giải vào vở nháp</p> <p>GV sửa bài, nhận xét – tuyên dương</p>		
<p><u>Bài tập</u> 3: -Gọi</p>	6	<p>HS đọc yêu cầu bài ghi tóm tắt và giải vào vở.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p>Số hộp xếp được nhiều nhất và còn thừa là: $187\ 250 : 8 = 23\ 406$ (hộp) dư 2 áo.</p> <p><u>Đáp số</u> : 23 406 (hộp) dư 2 áo.</p>

chia cho số có một chữ số? - Trong phép chia có dư số dư so với số chia như thế nào? Nhận xét tiết học		
5. Dặn dò Chuẩn bị bài: Luyện tập	1	Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TIẾT 27 : LUYỆN TẬP VỀ CÂU HỎI

I.MỤC TIÊU :

1.Kiến thức:

- Đặt được câu hỏi cho bộ phận xác định trong câu BT1;
- Nhận biết được một số từ nghi vấn và đặt câu hỏi với các từ nghi vấn ấy (BT3,4)
- Bước đầu nhận biết được một dạng câu có từ nghi vấn nhưng không dùng để hỏi (BT5)

2.Kĩ năng:

- Luyện tập nhận biết một số từ nghi vấn & đặt câu với các từ nghi vấn ấy.

3. Thái độ:

- Yêu thích tìm hiểu Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Giấy khổ to viết sẵn lời giải BT1
- 3 tờ giấy khổ to viết sẵn 3 câu hỏi của BT3
- 3 tờ giấy trắng để HS làm BT4

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	TG	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
------------------	----	------------------

1. Ôn định tổ chức lớp :	1	
2. Kiểm tra bài cũ: Câu hỏi & dấu chấm hỏi + Câu hỏi dùng để làm gì? Cho ví dụ. + Em nhận biết câu hỏi nhờ những dấu hiệu nào? Cho ví dụ. + Cho ví dụ về một câu hỏi em dùng để tự hỏi mình. - GV nhận xét tuyên dương hs	4	HS lên bảng trả lời - HS nhận xét
3. Bài mới: Hoạt động 1: Giới thiệu bài Bài học trước, các em đã được biết thế nào là câu hỏi, tác dụng của câu hỏi, những dấu hiệu nhận biết câu hỏi. Bài học hôm nay giúp các em tiếp tục luyện tập về câu hỏi, phân biệt câu hỏi với những câu không phải là câu hỏi.	1	HS nghe và ghi bài
Hoạt động 2: Hướng dẫn luyện tập Bài tập 1: - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV phát phiếu riêng cho 3 HS - GV nhận xét, chốt lại bằng cách dán câu trả lời đã viết sẵn – phân tích lời giải	5	- HS đọc yêu cầu bài tập - HS làm vào VBT - tự đặt câu hỏi cho bộ phận được in đậm - HS phát biểu ý kiến. Cả lớp nhận xét + Hăng hái nhất và khoẻ nhất là ai? + Trước giờ học các em thường làm gì? + Bến cảng như thế nào? + Bọn trẻ xóm em hay thả diều ở đâu?
Bài tập 2: - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV phát phiếu cho HS trao đổi nhóm – mỗi nhóm viết nhanh 7 câu hỏi ứng với 7 từ đã cho. - GV nhận xét, chấm điểm bài làm của các nhóm, kết luận nhóm làm bài tốt nhất.	6	- HS đọc yêu cầu bài tập - HS trao đổi trong nhóm - Đại diện các nhóm trình bày kết quả bài làm trên bảng VD : Ai viết đẹp nhất lớp bạn ? Cái gì trong cặp mà to thế ? Ở nhà cậu thường làm gì ? Khi nhỏ chữ viết của Cao Bá Quát thế nào ? Vì sao bạn Minh lại khóc ? Bao giờ lớp mình lao động ? Hè này nhà bạn đi nghỉ mát ở đâu ? - Cả lớp cùng GV nhận xét.

<p><u>Bài tập 3:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV mời 3 HS lên bảng làm bài trên phiếu – gạch dưới từ nghi vấn trong mỗi câu hỏi. - GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng: 	<p>5</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài tập, tìm từ nghi vấn trong mỗi câu hỏi - 3 HS lên bảng làm trên phiếu - HS trình bày bài - Cả lớp nhận xét <p>a. có phải – không b. phải không c. à</p>
<p><u>Bài tập 4:HS giỏi</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV phát bảng nhóm cho 3 HS đặt câu - GV cùng HS nhận xét 	<p>6</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài tập - Mỗi HS tự làm – đặt câu hỏi với mỗi từ hoặc cặp từ nghi vấn. - 3 HS làm bài vào bảng nhóm - HS tiếp nối nhau đọc câu hỏi đã đặt – mỗi em đọc 3 câu. <p>VD : Có phải cậu học lớp 4 a không ? Cậu muốn chơi với chúng tớ phải không ? Cậu thích chơi bóng đá à ?</p>
<p><u>Bài tập 5:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV: trong 5 câu đã cho có những câu không phải là câu hỏi. Nhiệm vụ của các em phải tìm ra những câu nào không phải là câu hỏi, không được dùng dấu chấm hỏi. Để làm được bài tập này, các em cần phải nắm chắc: <i>Thế nào là câu hỏi?</i> - GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng: 	<p>6</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài tập - 1 HS nhắc lại nội dung cần ghi nhớ về câu hỏi (SGK trang 131) - HS đọc thầm lại 5 câu hỏi, tìm câu nào không phải là câu hỏi, không được dùng dấu chấm hỏi. - HS trao đổi theo cặp - Đại diện nhóm phát biểu. + Trong số 5 câu đã cho 2 câu là câu hỏi: + <i>Bạn có thích chơi điều không?</i> + <i>Ai dạy bạn làm đèn ông sao?</i> (hỏi bạn điều chưa biết) + 3 câu không phải là câu hỏi, không được dùng dấu chấm hỏi: - <i>Tôi không biết bạn có thích chơi điều không.</i> (nêu ý kiến của người nói). - <i>Hãy cho biết bạn thích trò chơi nào nhất.</i> (nêu đề nghị). - <i>Thử xem ai khéo tay hơn nào.</i> (nêu đề nghị)
<p>4. <u>Củng cố</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết học - Yêu cầu HS về nhà viết vào vở 2 	<p>2</p>	<p>HS chú ý nghe</p>